

TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG CỦA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG CHÍ BẢO*

Tiêu điểm của tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc. Đó là giải phóng dân tộc Việt Nam ra khỏi tình cảnh nô lệ, bị áp bức đọa đày bởi thực dân đế quốc và phong kiến. Bởi thế, muốn cứu dân trước hết phải cứu nước và cứu nước để cứu dân, giải phóng dân tộc để giành lại quyền làm chủ của nhân dân.

TƯ tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh kết hợp trong đó nội dung chính trị với bảo đảm đạo đức và căn cứ khoa học - thực tiễn rất sâu sắc. Tư tưởng này còn là sự kết hợp giữa tư tưởng cách mạng với phương pháp khoa học.

Nội dung tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh bao gồm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp (giai cấp công nhân), giải phóng xã hội loài người và giải phóng con người.

Để định hình những nội dung ấy, Người phải trải qua một quá trình khảo sát thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đối chiếu so sánh giữa các đường lối, chủ trương, học thuyết, tổng kết các cuộc cách mạng trước đó để thấy ở đó những điểm tương đồng và khác biệt, những mâu thuẫn và hạn chế, nghiên ngẫm những sự kiện và hoàn cảnh, những phương pháp, cách thức và bước đi để tự mình xác định con đường phải đi, độc lập giải quyết những vấn đề đặt ra đối với đất nước và dân tộc mình trong một hoàn cảnh đặc thù.

Nhờ đó, Người đã nhận thức đúng và giải quyết thành công hàng loạt mối quan hệ phức tạp, mới mẻ trong bối cảnh những năm

20, 30 của thế kỷ XX, đưa phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân ta vào quỹ đạo của thời đại cách mạng vô sản, tạo ra những bước ngoặt giành thắng lợi.

Trước hết, phải nhận rõ kẻ thù và tìm thấy lực lượng. Trải qua những năm tháng lao động và đấu tranh, Người thấy rõ, ở đâu bọn thực dân đế quốc cũng đã man tàn bạo, ở thuộc địa cũng như ở chính quốc. Ở đâu những người lao động nghèo khổ cũng cơ cực, lầm than, bị bóc lột, áp bức như nhau. Người đi tới một nhận thức chính trị rõ ràng, không một chút mơ hồ: tư bản, đế quốc, thực dân là kẻ thù và những người lao động dù khác màu da, tiếng nói cũng đều chung một cảnh ngộ, đều là anh em, bạn bè, đồng chí của nhau. Lũ ác quỷ thực dân thì phải đánh đuổi nó đi và tất cả những người lao động phải đoàn kết lại để tiêu diệt kẻ thù chung. Lý luận của Hồ Chí Minh là lý luận chống chủ nghĩa thực dân, lý luận giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, chủ quyền và dân chủ.

* GS, TS, Hội đồng Lý luận Trung ương

Tám điều yêu sách mà Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị Véc-xây năm 1919 là văn kiện đầu tiên tỏ rõ lập trường quan điểm chính trị dân chủ của Người.

Đến năm 1920, khi Người từ lập trường dân tộc và yêu nước tiến đến giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, tán thành đường lối của Quốc tế III, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, thì đây là bước ngoặt quan trọng để hình thành tư tưởng giải phóng của Người. Về cơ bản, những năm 1920 - 1924, những luận điểm cơ bản của Nguyễn Ái Quốc về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã hình thành. Vừa lao động, vừa tham gia hoạt động chính trị trong phong trào công nhân Pháp và ở châu Âu, Nguyễn Ái Quốc đã giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và quyết định đi theo con đường cách mạng vô sản.

Tham gia Hội Liên hiệp những người yêu nước ở thuộc địa, sáng lập báo "*Người cùng khổ*", tiếp thu tư tưởng của V.I. Lê-nin về quyền tự quyết của các dân tộc, đi tiên phong trong hoạt động của Ban Thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, đấu tranh cho sự kết hợp giữa giải phóng giai cấp với giải phóng các dân tộc bị áp bức, làm cho những người cộng sản lúc bấy giờ quan tâm tới phong trào cách mạng giải phóng dân tộc... đó là những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc.

"*Bản án chế độ thực dân*" là tác phẩm lý luận quan trọng của Người viết năm 1925 trên lập trường mác-xít.

Trong tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh nổi bật những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, vạch trần bản chất của chủ nghĩa thực dân, lên án tội ác của nó không chỉ đối với vô sản và lao động ở chính quốc mà còn ở thuộc địa. Người ví nó như "con đũa hai vôi", một vôi hút máu ở chính quốc,

một vôi hút máu ở các thuộc địa. Nó là *kẻ thù chung* của giai cấp vô sản và lao động ở tất cả các nước. Kết luận quan trọng được rút ra là muốn giải phóng các dân tộc bị áp bức phải đồng thời chặt đứt cả hai cái vôi của "con đũa thực dân" ấy. Điều đó bao hàm nhiều ý nghĩa: phải làm cách mạng *triệt để*, làm cách mạng *đến nơi*, theo gương cách mạng vô sản ở Nga và đi theo chủ nghĩa Lê-nin, phải phối hợp các phong trào cách mạng của tất cả các nước, kết hợp dân tộc với quốc tế, hình thành chủ nghĩa quốc tế.

Thứ hai, các phong trào cách mạng cần phải chủ động phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau. Cách mạng ở thuộc địa không thụ động chờ đợi cách mạng ở chính quốc mà có thể đi trước và thắng lợi trước.

Thứ ba, trên thế giới này, xét ra chỉ có hai giống người. Giống người ác, đó là lũ ác quỷ thực dân và giống người tốt đó là tất cả mọi người đang bị áp bức phải giúp đỡ lẫn nhau, hợp thành sức mạnh, *đem sức ta mà giải phóng cho ta*. Chỉ có một tình hữu ái chân chính duy nhất, đó là tình hữu ái của giai cấp vô sản mà thôi.

Thứ tư, chỉ có con đường cách mạng vô sản, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được giai cấp vô sản, giải phóng cho tất cả mọi người trên trái đất.

Trong các văn phẩm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, có vai trò quan trọng giác ngộ cách mạng cho Nguyễn Ái Quốc để hình thành lý luận giải phóng phải đặc biệt kể đến "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen và "*Luận cương về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa*" của V.I. Lê-nin cũng như sự kiện Cách mạng Tháng Mười Nga và thời đại mới do cuộc cách mạng đó mở ra.

Thứ năm, giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và quốc tế. Đây là vấn đề mấu

chốt nhất, là điểm cốt yếu trong lý luận cách mạng của Hồ Chí Minh.

Người đã phát hiện ra sự khác biệt về mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội phương Tây tư bản chủ nghĩa và phương Đông cũng như ở Đông Dương và Việt Nam - nơi đang là thuộc địa dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Từ nghiên cứu về kết cấu kinh tế và kết cấu xã hội, Người đã thấy rõ, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở phương Tây đã dẫn đến phân hóa giai cấp rất sâu sắc giữa tư sản và vô sản. Giải phóng giai cấp vô sản và cuộc đấu tranh giai cấp trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa ở châu Âu theo con đường cách mạng vô sản là một tất yếu để tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

Trong khi đó, ở phương Đông lạc hậu và trì trệ, chủ nghĩa tư bản còn chưa phát triển, mâu thuẫn và phân hóa giai cấp diễn ra không giống như ở phương Tây. Ở xứ Đông Dương và Việt Nam, mâu thuẫn cơ bản là giữa dân tộc bị áp bức với đế quốc thực dân xâm lược.

Giải phóng dân tộc để giành lại độc lập và chủ quyền là đòi hỏi bức xúc và gay gắt nhất. Toàn thể dân tộc Việt Nam bao gồm các giai cấp, tầng lớp, các giai tầng xã hội đều có chung kẻ thù xâm lược, đều có lòng yêu nước, cùng có chung nguyện vọng là giải phóng dân tộc làm cho nước Việt Nam độc lập, do đó đều có thể đoàn kết và đại đoàn kết để cứu nước, cứu giống nòi ra khỏi họa xâm lược của ngoại bang.

Vấn đề đặt ra là giải phóng dân tộc trên lập trường ý thức hệ nào? Dựa vào lực lượng nào để cứu nước nhà? Giải phóng dân tộc để đưa dân tộc đi tới đâu, phát triển theo chiều hướng nào?

Ý thức hệ phong kiến đã tỏ ra lỗi thời, lạc hậu, đã bất lực trước con đường giải phóng. Giai cấp phong kiến đã quá lỗi thời về mặt lịch sử, triều đại phong kiến cuối cùng của

Việt Nam khi đó đã sụn hèn, bạc nhược, đầu hàng và bán nước cho thực dân Pháp.

Ý thức hệ tư sản và tiểu tư sản dân tộc cũng không có nổi vai trò thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam khi chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập vào. Các phong trào khởi nghĩa của nông dân thì lần lượt thất bại và bản thân ý thức hệ nông dân cũng chỉ đưa lại chế độ phong kiến mà thôi.

Các chí sĩ yêu nước, nhiệt huyết và dũng khí có thừa nhưng bế tắc và phá sản về đường lối cứu nước. Các ngà rẽ Đông Du của Phan Bội Châu, dựa vào Nhật để chống Pháp hay đường lối cải lương của Phan Chu Trinh, dựa vào Pháp để chống Pháp, hy vọng canh tân, khai dân trí, chấn dân khí để cứu nước rốt cuộc cũng đi vào ngõ cụt. Hành động phiêu lưu "không thành công thì cũng thành nhân" như một sự phản kháng thực tại với lập trường tiểu tư sản của Nguyễn Thái Học cũng thất bại.

Duy nhất chỉ có con đường cách mạng trên lập trường giai cấp công nhân mới cứu được dân tộc. Tinh thần dân tộc mang sức mạnh của một động lực tiến bộ và phát triển *nếu nó đặt trên cơ sở của chủ nghĩa quốc tế vô sản*. Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra điều đó và tìm đúng câu trả lời mà lịch sử đòi hỏi. Vậy là Người chủ trương giải phóng dân tộc nhưng vượt qua ý thức hệ phong kiến suy tàn, vượt qua ý thức hệ nông dân, tiểu tư sản và tư sản để đứng vững trên lập trường ý thức hệ giai cấp công nhân là ý thức hệ tiên tiến của thời đại. Sự lựa chọn này đã đặt con đường phát triển của Việt Nam vào quỹ đạo của thời đại mới - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản. Bởi

thế, làm cách mạng trước hết phải có Đảng và Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, đó là chủ nghĩa Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phải noi theo con đường cách mạng đến nơi là cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 do Lê-nin và Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Theo con đường này, công - nông là gốc của cách mạng và đoàn kết tất cả các lực lượng trong nước để đánh đổ đế quốc phong kiến, giành chính quyền, qua đó nhân dân lên vị trí làm chủ xã hội. Phối hợp với quốc tế, đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế, thực hiện cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, giành độc lập và dân chủ mà mấu chốt là vấn đề ruộng đất cho nông dân, sau đó tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Chính cương sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và sáng lập ra Đảng Cộng sản từ đầu năm 1930 đã chỉ rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam.

Trước đó, “Đường cách mệnh” (năm 1927) đã là sự chuẩn bị trực tiếp về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng cách mạng ở Việt Nam.

Giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, đặt giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, đó là một trong những sáng tạo lý luận lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc, đã giải quyết thành công cuộc khủng hoảng lý luận kéo dài ở Việt Nam, mở ra đột phá lý luận cho sự phát triển của Việt Nam ở thế kỷ XX.

Hai phát kiến lý luận xuất sắc của Nguyễn Ái Quốc trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là ở chỗ, phát kiến ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới - đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và phát kiến ra quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là sự kết

hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc Việt Nam. Đó là sự kết hợp giữa cái phổ biến với cái đặc thù, là quy luật thành lập đảng cộng sản trong một nước nông nghiệp lạc hậu, một xã hội thuộc địa với chế độ thực dân nửa phong kiến.

Theo quy luật này của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân lấy sức mạnh của mình trong lòng dân tộc, giai cấp gắn liền với dân tộc và Đảng Cộng sản Việt Nam, từ trong bản chất của nó, ngay từ đầu đã gắn bó máu thịt với nhân dân và dân tộc, đã là đội tiên phong của dân tộc và nhân dân, đã tồn tại và chiến đấu chỉ vì lợi ích của nhân dân, vì tương lai triển vọng của dân tộc. Giai cấp công nhân Việt Nam làm tròn trọng trách lịch sử của mình là ở chỗ giải phóng dân tộc để phát triển dân tộc trên con đường xã hội chủ nghĩa, để đem lại quyền dân chủ và làm chủ, ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Thông qua đó, giai cấp công nhân tự giải phóng mình, góp phần vào giải phóng xã hội vì nhân loại và vì con người.

Bởi thế, những nội dung cấu thành tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh lấy giải phóng dân tộc làm tiêu điểm, lấy lập trường, ý thức hệ giai cấp công nhân làm nguyên tắc, lấy việc thành lập Đảng cách mạng và xác lập vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng làm điều kiện tiên quyết, lấy công - nông làm lực lượng nòng cốt, là gốc của cách mạng, lấy đoàn kết làm chiến lược, thành đường lối chiến lược, lấy độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng và mục tiêu, lấy quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường, phương thức phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mối quan hệ qua lại, thống nhất hữu cơ, tác động biện chứng lẫn nhau.

Độc lập dân tộc là tiền đề, điều kiện để đi tới chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là bảo đảm đầy đủ, chắc chắn, bền vững nhất của độc lập dân tộc.

Điểm mấu chốt cần được khẳng định và nhấn mạnh trong tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh là ở chỗ, đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu nhưng không bao giờ xem nhẹ giải phóng giai cấp hoặc đấu tranh giai cấp, trái lại, Người đã tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, kiên định con đường cách mạng không ngừng, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Người đã từ quan điểm thực tiễn và phát triển mà phát triển lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó trên nền tảng lý luận giải phóng mà tìm ra con đường, phương thức phát triển của cách mạng Việt Nam, quy luật về Đảng cách mạng, chiến lược đại đoàn kết và mô hình chế độ dân chủ cộng hòa, đặt nền móng xây dựng chính thể xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải phóng. Trong *tiến trình và trong chính thể*, tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh là tư tưởng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, là *đồng thời* tiến hành bốn cuộc giải phóng lớn: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Để thực hiện được tư tưởng này, Người đã dày công xây dựng lực lượng, thực hành đoàn kết, sáng lập Đảng, Mặt trận, Quân đội và Nhà nước, sáng tạo phương pháp và hình thức đấu tranh, có quan niệm mới về cách mạng và bạo lực cách mạng, vận dụng nhuần nhuyễn khoa học và nghệ thuật cách mạng với phép biện chứng của Thời - Thế và Lực, chú trọng thiên thời, địa lợi nhưng vẫn lấy nhân hòa làm gốc, lấy dân làm chủ thể và chủ đạo. Bằng cách đó, Người đã vượt

qua những hạn chế giáo điều, thể hiện bản lĩnh sáng tạo, đề cao dân tộc nhưng không rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cực đoan, biệt phái, đặt dân tộc hài hòa với quốc tế, kiên định lập trường quan điểm giai cấp công nhân nhưng không rơi vào tả khuynh. Người thực hành mẫu mực nguyên tắc phương pháp luận mác-xít “phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”, “chân lý là cụ thể nên cách mạng phải sáng tạo”.

Chỉ riêng vấn đề giải phóng dân tộc vì mục tiêu trực tiếp độc lập dân tộc, trong suốt quá trình *xây dựng* và *thực hành* tư tưởng, Hồ Chí Minh đã để lại bài học quý giá về sự kiên định, theo đuổi đến cùng mục tiêu, giữ vững nguyên tắc và mềm dẻo, linh hoạt “dĩ bất biến, ứng vạn biến” về phương pháp, sách lược, bước đi và biện pháp.

Không thể không nhắc tới những sự kiện, những tình huống, những bước ngoặt đầy thử thách cam go của lịch sử có liên quan tới cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

- Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước suốt 30 năm (1911 - 1941), Người đã từ quan sát, khảo nghiệm trong thực tế để quyết tâm đánh đổ chủ nghĩa thực dân xâm lược, mưu cầu độc lập tự do thực chất chứ không phải những lời tuyên bố giả hiệu hay trò lừa bịp. Người giác ngộ đề rỗi tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là khi tiếp xúc với Luận cương của V.I. Lê-nin và đã thấy ở đó cái *cảm nang*, là *con đường cứu sống* cho dân tộc ta. Giữ vững chủ nghĩa, thực hành đạo làm người của người cách mạng, trước sau cũng chỉ vì độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho dân tộc và đồng bào. Chủ trương giải phóng dân tộc là một tư tưởng lớn, vượt trước thời đại, dũng cảm và bản lĩnh để vượt qua mọi rào cản giáo điều.

- Trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cuộc

chuyển hướng chiến lược, từ năm 1941 Người đã cùng với Đảng xác định đúng phương hướng, đường lối, chính sách cho công cuộc giải phóng, *nắm thời, tạo thế, gây dựng lực lượng* để hành động mau lẹ, kịp thời với nhân quan chiến lược và phương pháp sáng tạo thiên tài. Nhờ đó, 15 năm đầu non trẻ của Đảng đã làm nên thắng lợi 15 ngày của Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra chế độ dân chủ cộng hòa với Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam mới.

- Bên thềm của cuộc cách mạng vĩ đại ấy, Người nêu cao ý chí và dũng khí trong một tình huống gian nan “Dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập”. Có giải phóng dân tộc thì nhân dân và cả giai cấp mới thoát khỏi kiếp ngựa trâu.

- Tuyên ngôn Độc lập ngày 02-9-1945 còn là lời cáo chung chế độ thực dân, là thông điệp của toàn dân tộc đi vào thời kỳ phát triển mới, mở ra trang sử mới, quyết giữ gìn mãi mãi nền độc lập vừa giành được.

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ.

- Kháng chiến kiến quốc toàn dân, toàn diện, trường kỳ, đánh bại dã tâm xâm lược của thực dân, gây dựng chế độ mới, vì nền độc lập của Tổ quốc, vì quyền sống trong tự do, dân chủ, làm chủ vận mệnh của dân tộc mình, của nhân dân mình. Thi đua yêu nước là đề thực hành cho được: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

- Thắng lợi vĩ đại đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ ở Điện Biên Phủ mới là thắng lợi bước đầu. Còn phải quyết tâm giành độc lập cho cả nước, thống nhất đất nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, “hễ còn một tên xâm lược cũng phải quét sạch nó đi”, phải “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

- Chiến tranh ác liệt có thể kéo dài 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn nữa. Đồng bào ta còn phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ. *Không có gì quý hơn độc lập tự do.*

Đánh bại hai đế quốc to (chủ nghĩa thực dân cũ là Pháp và chủ nghĩa thực dân mới là đế quốc Mỹ) nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường (năm 1951), giàu mạnh (1965 - 1969)

Như vậy, tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh bao quát cả một chặng đường lịch sử lâu dài, tranh đấu cho nền độc lập tự do, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng kiến thiết chế độ mới, dựng nước đi liền với giữ nước theo bài học của ông cha để lại, xây dựng phải đi liền với bảo vệ, đổi mới không ngừng để phát triển, tiến bộ, văn minh và hiện đại.

Tư tưởng giải phóng của Người vừa kế tục những truyền thống và tinh hoa của dân tộc trong lịch sử hàng ngàn năm văn hiến dựng nước và giữ nước, vừa vươn tới tầm cao tư tưởng của thời đại, nắm bắt xu thế của lịch sử và đáp ứng yêu cầu phát triển của dân tộc, đất nước, xã hội và con người Việt Nam. Từ đây, truyền thống lịch sử dân tộc được nâng cao và phát huy trong truyền thống cách mạng của Đảng, được tỏa sáng và thăng hoa bởi tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng giải phóng do Hồ Chí Minh xây dựng và Người đã cùng với Đảng từng bước phát triển, hoàn thiện, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện, làm nên những biến đổi và phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của đổi mới, hội nhập và phát triển. □